

TẬP ĐOÀN  
 BUU CHÍNH VIỄN THÔNG VIỆT NAM  
**CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 889/TST-KTTKTC

V/v: Công bố thông tin về BCTC hợp nhất  
 giữa niên độ năm 2016.

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2016.

**Kính gửi:** Ủy ban chứng khoán Nhà Nước  
 Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG**
2. Mã chứng khoán: **TST**
3. Địa chỉ trụ sở chính: Số 4A, 4B, 4C Phố Vương Thừa Vũ, Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.
4. Điện thoại: 043 7366 984 Fax: 043 568 2240
5. Người thực hiện công bố thông tin:
  - + Người đại diện theo pháp luật: Phan Sỹ Kiên
  - + Người được uỷ quyền công bố thông tin: Trần Thị Thanh Bình
6. Nội dung của thông tin công bố:
  - 6.1 Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ năm 2016 của Công ty cổ phần dịch vụ kỹ thuật viễn thông được lập ngày 10/08/2016 bao gồm: BCĐKT, BCKQKD, BCLCTT, TMBCTC.
  - 6.2 Nội dung giải trình (chênh lệch 10% LNST so với cùng kỳ năm ngoái).
7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: [www.tst.com.vn](http://www.tst.com.vn)  
 Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố. *sh*

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT.

**TỔNG GIÁM ĐỐC** *K*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, KTTKTC.



*sh*  
**Phan Sỹ Kiên**

**TẬP ĐOÀN BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG – TST**

-----o0o-----

**Giải trình nguyên nhân của ý kiến ngoại trừ trong Báo cáo Tài chính hợp nhất giữa niên độ của năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2016 của Công ty TST được soát xét bởi công ty kiểm toán A&C.**

\* Trong quá trình kiểm toán và soát xét Báo cáo Tài chính hợp nhất giữa niên độ của năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2016 của Công ty Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông TST, Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C có đưa ra ý kiến loại trừ về số liệu của Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh tại thời điểm giữa niên độ của năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2016.

Nguyên nhân: Theo Quyết định số 54/QĐ-TCHC ngày 28 tháng 01 năm 2013 của Tổng giám đốc Công ty Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông TST về việc bổ nhiệm cán bộ thì ông Ngô Văn Hiệp – Phó giám đốc Phụ trách Chi nhánh Công ty TST tại thành phố Hồ Chí Minh – được miễn nhiệm mọi chức vụ trong Chi nhánh Công ty TST tại TP Hồ Chí Minh kể từ ngày 01/02/2013. Ông Ngô Văn Hiệp có trách nhiệm bàn giao công việc cho người kế nhiệm xong trước ngày 08/02/2012.

Nhưng trong thực tế ông Ngô Văn Hiệp đã không làm thủ tục bàn giao cho người kế nhiệm là ông Nguyễn Hoàng Tâm, và ông Hiệp cũng không ký và đóng dấu Báo cáo Tài chính năm 2012 trước soát xét kiểm toán của Chi nhánh TP Hồ Chí Minh nên báo cáo này chỉ được ký bởi người lập biểu là ông Chu Mạnh Hùng, đồng thời ông Hiệp cũng không bàn giao các chứng từ kế toán và con dấu - là cơ sở để cung cấp số liệu phục vụ cho công tác soát xét kiểm toán của Công ty Kiểm toán Grant Thornton. Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh ( Công ty Kiểm toán được ký hợp đồng để soát xét BCTC của công ty TST năm 2012) và Công ty Kiểm toán A&C chi nhánh Hà nội ( Công ty Kiểm toán được ký hợp đồng để soát xét BCTC hợp nhất giữa niên độ của năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2016 của công ty TST) và cũng không hoàn thiện được các hồ sơ do các đoàn Kiểm toán yêu cầu như xác nhận công nợ phải thu, phải trả với khách hàng, nhà cung cấp và nhân viên của chi nhánh, không xác nhận được số dư các tài khoản tại Ngân hàng tại thời điểm 31.12.2012 và 26.03.2013 ( thời điểm giải thể chi nhánh) do sự bất hợp tác của ông Hiệp. Hiện tại đã có quyết định giải thể Chi nhánh Miền nam và mọi hồ sơ giấy tờ còn lại của Chi nhánh Miền nam đã được niêm phong để Ban giải thể Chi nhánh tiến hành công tác giải thể.

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2015

Người lập giải trình



Sơn Hồng Sơn

Trưởng phòng Kế toán



Trần Trung Hiếu

Tổng giám đốc



Phan Sỹ Kiên

Chứng chỉ ISO 9001:2008 (được cấp bởi TUV-NORD ngày 10/04/2015).



**Giải trình nguyên nhân chênh lệch trong KQKD bán niên hợp nhất năm 2016 sau kiểm toán so với báo cáo trước kiểm toán.**

\* Trong năm 2016 lãi bán niên hợp nhất sau thuế của Công ty TST sau soát xét của Công ty kiểm toán, A&C chi nhánh Hà nội là 1.096.495.900 đồng; tăng 5.239.406 đồng, tương đương 0,48% so với báo cáo KQKD bán niên bán niên hợp nhất trước kiểm toán, là do những nguyên nhân sau:

1. Công ty kiểm toán A&C chi nhánh Hà nội điều chỉnh giảm chỉ tiêu doanh thu bán niên hợp nhất -766.823.389 đồng, đây là bút toán điều chỉnh giảm -847.896.414 đồng doanh thu cho thuê tài sản trích thừa so với kế hoạch tại Văn phòng Công ty và tăng +81.073.025 doanh thu của hợp đồng với công ty Thành lợi, các bút toán này đều được tiến hành ở công ty TST – Công ty mẹ.

2. Công ty kiểm toán A&C chi nhánh Hà nội điều chỉnh giảm chỉ tiêu giá vốn bán niên hợp nhất -976.663.613 đồng, bao gồm giảm những khoản trích thừa giá vốn so với kế hoạch -1.040.084.247 đồng tại Văn phòng Công ty, giảm trích thừa chi phí hoạt động chung tại Xí nghiệp Bảo dưỡng lên 67.058.830 đồng, tăng CP khấu hao máy phát điện 12KVA- MF12 EV2600NB sử dụng tại CN Miền trung lên 1.696.978 đồng, tăng chi phí Công trình : Di chuyển, lắp đặt - TT ML Mobifone m.Bắc tại Xí nghiệp Bảo dưỡng lên 32.094.313 đồng, chuyên chi phí xăng xe, phí đường bộ cho xe phục vụ cho thuê sang giá vốn 23.721.182 đồng tại Văn phòng Công ty, phân bổ bổ sung chi phí trả trước dài hạn 66.539.718 đồng tại Văn phòng Công ty, hạch toán bổ sung chi phí do hạch toán nhầm tài khoản 6.427.273 tại chi nhánh Cần thơ, các bút toán này đều được tiến hành ở công ty TST Công ty mẹ.

3. Công ty kiểm toán A&C chi nhánh Hà nội điều chỉnh tăng chỉ tiêu Doanh thu tài chính bán niên hợp nhất lên 8.695.260 đồng do phân loại lại các khoản thu nhập có liên quan đến tài chính từ tài khoản thu nhập khác từ công ty HTSH – Công ty con.

4. Công ty kiểm toán A&C chi nhánh Hà nội điều chỉnh tăng chỉ tiêu Chi phí tài chính bán niên hợp nhất lên 10.859.415 đồng bao gồm ghi tăng tiền lãi vay trả trước 16.000.000 đồng cho Bà Hiền (phần lãi của năm 2016) vào chi phí tại Văn phòng Công ty, tính bổ sung chi phí lãi vay tại Văn phòng Công ty 6th 2016 7.962.652 đồng, Đánh giá CLTG cuối kỳ của công nợ 131 ngoại tệ 1.829.391 đồng tại Văn phòng Công ty, Hoàn CP đã



trích năm 2015 -14.932.628 đồng tại Văn phòng Công ty, các bút toán này đều được tiến hành ở công ty TST - Công ty mẹ.

5. Công ty kiểm toán A&C chi nhánh Hà nội điều chỉnh tăng chi tiêu chi phí bán hàng bán niên hợp nhất lên 118.234.259 đồng, đây là bút toán phân bổ lại chi phí bán hàng 6<sup>th</sup> đầu năm 2016 tại Văn phòng Công ty, các bút toán này đều được tiến hành ở công ty TST - Công ty mẹ.

6. Công ty kiểm toán A&C chi nhánh Hà nội điều chỉnh tăng chi tiêu chi phí quản lý doanh nghiệp bán niên hợp nhất lên 8.521.653 đồng, bao gồm tính tăng các chi phí: Phân bổ chi phí đường bộ (từ 29/5/2015 đến 28/11/2017) cho 6<sup>th</sup> đầu năm 2016 1.013.000 đồng, bổ sung chi phí khấu hao TSCĐ do ngày đưa vào khấu hao chậm hơn so với ngày bàn giao đưa vào sử dụng 7.729.726 đồng, phân bổ chi phí thuê kho HCM 6<sup>th</sup> tháng đầu năm 2016 24.000.000 đồng, trích bổ sung phí vệ sinh quý II 2016 11.000.000 đồng, điều chỉnh giảm do Phân bổ lại chi phí quản lý 6<sup>th</sup> đầu năm 2016 -6.673.281 đồng, điều chỉnh lại phân bổ thừa chi phí bảo hiểm xe Mazda (BKS: 30A-677.56) -2.678.400 đồng, hoàn nhập chi phí 335 đã trích 2015 tiền nước -2.148.210 đồng, điều chỉnh chi phí xăng xe, phí đường bộ cho xe phục vụ cho thuê sang giá vốn -23.721.182 đồng, các bút toán này đều được tiến hành ở công ty TST - Công ty mẹ.

7. Công ty kiểm toán A&C chi nhánh Hà nội điều chỉnh giảm chi tiêu Thu khác bán niên hợp nhất -15.008.025 đồng do: Điều chỉnh giảm doanh thu cho thuê đặt biển quảng cáo+bán hồ sơ thầu và thuế VAT đầu ra (Đơn vị chưa xuất hóa đơn và đang ghi nhận toàn bộ vào doanh thu) – 681.818 đồng, phân loại khi lập BCTC, phản ánh giá trị thuần của hoạt động thanh lý TSCĐ, vật tư -27.075.455 đồng, điều chỉnh tăng do: Xử lý số dư âm TK1548 tại CN Cần Thơ do năm trước đơn vị hạch toán nhầm (giảm lợi nhuận năm trước chuyển về công ty) 12.689.090 đồng, Xử lý công nợ nhỏ lẻ trên TK 131 tại 2016 tại Văn phòng Công ty 60.158 đồng, các bút toán này đều được tiến hành ở công ty TST - Công ty mẹ, đồng thời cũng phân loại lại các khoản thu nhập có liên quan đến tài chính lên tới 8.695.260 đồng sang tài khoản Doanh thu tài chính hợp nhất của công ty HTSV – Công ty con.

8. Công ty kiểm toán A&C chi nhánh Hà nội điều tăng chi tiêu Chi khác bán niên hợp nhất lên 32.133.718 đồng do xử lý công nợ nhỏ lẻ trên TK 131 tại Văn phòng Công ty 81.545 đồng, Điều chỉnh VAT hóa đơn trên 20 triệu đồng thanh toán bằng tiền mặt không được khấu trừ vào chi phí 1.940.000 đồng, xử lý công nợ dư lâu ngày 57.163.263 đồng, ghi giảm khoản thanh lý TSCĐ, vật tư chuyển sang tài khoản 711 – 27.075.455 đồng, các bút toán này đều được tiến hành ở công ty TST - Công ty mẹ.

9. Công ty kiểm toán A&C chi nhánh Hà nội điều tăng chi tiêu thuế Thu nhập Doanh nghiệp bán niên hợp nhất lên 19.843.747 đồng do tính toán lại các khoản thuế TNDN phải trả, phải nộp nhà nước tại công ty HTSV – Công ty con.

→ Tóm lại trong quá soát xét BCTC bán niên hợp nhất 6<sup>th</sup> đầu năm 2016 công ty kiểm toán A&C chi nhánh Hà nội đã đề xuất các bút toán điều chỉnh so với báo cáo trước kiểm toán là:

Giảm Doanh thu bán niên hợp nhất	(766.823.389) đồng
Giảm Giá vốn bán niên hợp nhất	976.663.613 đồng
Tăng doanh thu tài chính bán niên hợp nhất	8.695.260 đồng
Tăng chi phí tài chính bán niên hợp nhất	(10.859.415) đồng
Tăng chi phí bán hàng bán niên hợp nhất	(118.234.259) đồng
Tăng chi phí quản lý doanh nghiệp bán niên hợp nhất	(8.521.653) đồng
Giảm Thu khác bán niên hợp nhất	(23.703.286) đồng
Tăng Chi khác bán niên hợp nhất	(32.133.718) đồng
Tăng thuế Thu nhập Doanh nghiệp bán niên hợp nhất	(19.843.747) đồng
<b>Ảnh hưởng tăng lợi nhuận so với trước kiểm toán</b>	<b>5.239.406 đồng</b>
Tăng tương đương 0,48% so với chi tiêu này trước soát xét của kiểm toán A&C	

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2015

Người lập giải trình

Sơn Hồng Sơn

Kế toán trưởng

Trần Trung Hiếu

Tổng giám đốc



Phan Sỹ Kiên

**Giải trình nguyên nhân chênh lệch trong KQKD bán niên hợp nhất năm 2016 sau kiểm toán so với cùng kỳ năm trước**

\* Trong năm 2016 lãi bán niên hợp nhất sau thuế của Công ty TST sau soát xét của Công ty kiểm toán, A&C chi nhánh Hà nội là 1.096.495.900 đồng, tăng 545.087.459 đồng (tăng tương đương + 99%) so với cùng kỳ năm trước là do những nguyên nhân sau:

1. Doanh thu bán niên hợp nhất của công ty TST năm 2016 sau soát xét của kiểm toán tăng +78%, trong đó tại công ty TST – công ty mẹ có doanh thu thương mại tăng đến 2.952%, doanh thu dịch vụ bảo dưỡng giảm đến -99%, doanh thu xây lắp – lắp đặt tăng 60%, doanh thu dịch vụ sửa chữa - ứng cứu giảm -88%, doanh thu tư vấn thiết kế tăng 86%, doanh thu tối ưu hóa giảm -70%, doanh thu đo kiểm bán niên năm 2015 không phát sinh, doanh thu khác giảm -50%, còn tại công ty HTSV - công ty con – doanh thu giảm -19%. Trong khi đó giá vốn bán niên hợp nhất của công ty tại TST lại tăng tới +89% so với cùng kỳ năm trước trong đó tại công ty TST – công ty mẹ - giá vốn thương mại tăng đến 3.459%, giá vốn dịch vụ bảo dưỡng giảm đến -161%, giá vốn xây lắp – lắp đặt tăng 75%, giá vốn dịch vụ sửa chữa - ứng cứu giảm -86%, giá vốn thu tư vấn thiết kế tăng 158%, giá vốn tối ưu hóa giảm -74%, giá vốn đo kiểm bán niên năm 2015 không phát sinh, giá vốn khác giảm -58% còn tại công ty HTSV - công ty con – giá vốn giảm -46%, dẫn đến khoản lãi gộp bán niên hợp nhất của công ty TST trong năm 2016 sau soát xét của kiểm toán là 7.633.447.066 đồng tăng 45% so với cùng kỳ năm trước.

2. Doanh thu tài chính bán niên hợp nhất của công ty năm 2016 sau soát xét của kiểm toán tăng đến 1.611 % so với cùng kỳ năm trước, trong đó doanh thu tài chính bán niên của công ty TST - công ty mẹ - năm 2016 tăng đến 1.697% so với cùng kỳ năm trước chủ yếu là do Cty CP Dịch vụ Kỹ thuật MOBIFONE chi trả khoản cổ tức năm 2015 ( mức cổ tức là 15% mệnh giá cổ phiếu) còn doanh thu tài chính bán niên của công ty HTSV - công ty con – cũng tăng đến 1.522%. Chi phí tài chính bán niên hợp nhất chỉ tăng 19% so với cùng kỳ năm trước nhưng trong đó chi tiêu chi phí lãi vay ngân hàng hợp nhất lại tăng đến 86%, trong đó chi phí tài chính bán niên của TST – công ty mẹ - tăng đến 3.314% ( chủ yếu là CP lãi vay) so với cùng kỳ năm trước do trong 6 tháng đầu năm 2016 công ty TST có nhiều khoản vay ngân hàng để tài trợ cho hoạt động SX KD hơn cùng kỳ năm trước nên CP lãi ngân hàng cũng cao hơn, nhưng chi phí lãi vay của công ty HTSV - công ty con – lại giảm -34% so với cùng kỳ năm trước chủ yếu là do doanh

thu bán niên năm 2016 của HTSV nhỏ nên không cần nhiều khoản vay để tài trợ cho SX KD.

3. Lãi từ công ty liên doanh liên kết hàng bán niên hợp nhất của công ty TST năm 2016 sau soát xét của kiểm toán tăng 33% chủ yếu là từ phần tăng lên do khoản lãi bán niên của công ty Vina OFC ( công ty liên doanh liên kết của TST) mang lại.

4. Chi phí bán hàng bán niên hợp nhất của công ty TST năm 2016 sau soát xét của kiểm toán tăng 75% trong đó chi phí bán hàng bán niên của công ty TST – công ty mẹ - năm 2016 tăng đến +309% do công ty TST do trong 6 tháng đầu năm 2016 công ty TST phải tiến hành nhiều công tác tìm những đối tác mới nên chi phí bán cũng cao hơn nhưng chi phí bán hàng bán niên của công ty HTSV – công ty con - năm 2016 lại giảm đến -78% chủ yếu do sản lượng hoàn thành thấp và công ty cũng chưa đẩy mạnh công tác tìm nguồn hàng mới.

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp bán niên hợp nhất của công ty năm 2016 sau soát xét của kiểm toán tăng +8% trong đó chi phí quản lý doanh nghiệp bán niên của công ty TST năm 2016 tăng 14% so với cùng kỳ năm trước chủ yếu là do trong 6 tháng đầu năm 2016 công ty đã tăng % trích CP lương cho cán bộ công nhân viên tại văn phòng công ty, nhưng chi phí quản lý doanh nghiệp bán niên của công ty HTSV năm 2016 lại giảm -17% do công ty không đạt được quy mô sản xuất như cùng kỳ năm trước.

6. Chi tiêu thu khác bán niên hợp nhất năm 2016 sau soát xét của kiểm toán giảm -68% so với cùng kỳ năm trước trong đó chi tiêu thu khác bán niên năm 2016 của TST tăng 34% còn chi tiêu thu khác bán niên năm 2016 của HTSV lại giảm đến -100%. Chi tiêu chi khác bán niên hợp nhất năm 2016 sau soát xét của kiểm toán tăng đến 1.348% với cùng kỳ năm trước trong đó chi khác bán niên 2016 của TST tăng đến 1.390% còn chi khác bán niên 2016 của HTSV cũng tăng đến 395% nhưng số tuyệt đối lại không đáng kể. Thay đổi của các chi tiêu thu khác và chi khác hợp nhất bán niên năm 2016 sau soát xét của kiểm toán đã làm cho chi tiêu lợi nhuận khác hợp nhất bán niên năm 2016 giảm -73%

7. Chi tiêu thuế TNDN hợp nhất bán niên năm 2016 tăng 749% so với cùng kỳ năm trước , đây chủ yếu là khoản tăng trong chi tiêu thuế TNDN phải trả, phải nộp Nhà nước của công ty HTSV – công ty con - còn công ty TST – công ty mẹ - lại đang trong diện được chuyển lỗ lũy kế từ năm 2012 nên không phải trả thuế TNDN.

→ Tóm lại sau soát xét của công ty kiểm toán A&C chi nhánh Hà nội năm 2016 mặc dù doanh thu bán niên hợp nhất của Công ty TST tăng +78%, nhưng giá vốn bán niên hợp nhất lại tăng +89%, doanh thu tài chính bán niên hợp nhất tăng 1.611%, chi phí tài chính bán niên hợp nhất tăng 19%, lãi từ công ty liên doanh liên kết tăng 33%, chi phí bán hàng bán niên hợp nhất tăng 75%, chi phí quản lý doanh nghiệp bán niên hợp nhất tăng 8%, lợi nhuận khác bán niên hợp nhất giảm -73%, thuế TNDN hợp nhất bán niên năm 2016 tăng

749% ... đã làm cho Công ty TST lãi bán niên hợp nhất sau thuế là 1.096.495.900 đồng, tăng 545.087.459 đồng (tăng tương đương + 99%) so với cùng kỳ năm trước.

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2016

**Người lập giải trình**



**Sơn Hồng Sơn**

**Kế toán trưởng**



**Trần Trung Hiếu**

**Tổng giám đốc**



**Phan Sỹ Kiên**





## MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo soát xét độc lập	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	14 - 47

\*\*\*\*\*

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 bao gồm Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

**Khái quát về Công ty**

Công ty là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101334129, đăng ký lần đầu ngày 07 tháng 8 năm 2000 do do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã 15 lần được Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp về việc thay đổi tên công ty, ngành nghề kinh doanh và vốn điều lệ.

Trụ sở chính:

- Địa chỉ : Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại : 043 736 69 84
- Fax : 043 568 22 40

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Đo kiểm các công trình viễn thông (chỉ hoạt động khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép); Thiết kế kết cấu công trình dân dụng, hạ tầng kỹ thuật; Tư vấn kỹ thuật, lập các dự án đầu tư, thiết kế thẩm định các dự án công trình, chuyên giao kỹ thuật, công nghệ chuyên ngành viễn thông, điện, điện tử, tin học; Kiểm định, hỗ trợ vận hành các công trình viễn thông, điện, điện tử, tin học (trừ hoạt động Nhà nước cấm);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn cáp quang, cáp đồng, cáp điện tin học, truyền hình;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông. Chi tiết: Bán buôn vật tư thiết bị viễn thông;
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Vận tải hành khách đường sắt;
- Vận tải hàng hóa đường sắt;
- Vận tải bằng xe buýt;
- Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Xuất nhập khẩu trực tiếp và xuất nhập khẩu ủy thác vật tư, thiết bị, phụ tùng, linh kiện, máy móc trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, phát thanh, truyền hình, điện, điện tử, điện dân dụng, tin học, giao thông, công nghiệp, xây dựng theo quy định hiện hành; Xuất nhập khẩu thiết bị, vật tư, phụ tùng, linh kiện phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Đại lý du lịch. Chi tiết: Lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng các công trình điện đến 35KV; Xây dựng công trình nhà cửa như: Đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống, đập và đê; Xây dựng các công trình dân dụng, hạ tầng kỹ thuật;

# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp. Chi tiết: Lắp đặt các công trình viễn thông, điện tử, tin học; Xây dựng các công trình viễn thông, điện, điện tử, tin học;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác. Chi tiết: Cho thuê tài sản hoạt động, cho thuê các sản phẩm thiết bị bưu chính viễn thông, điện, điện tử, tin học;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Chuyển giao kỹ thuật, công nghệ chuyên ngành viễn thông, điện, điện tử, tin học;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất. Chi tiết: Quảng cáo bất động sản;
- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị. Chi tiết: Sửa chữa, bảo dưỡng các công trình thiết bị viễn thông, điện, điện tử, tin học;
- Sản xuất thiết bị truyền thông. Chi tiết: Sản xuất thiết bị bưu chính viễn thông;
- Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng. Chi tiết: Sản xuất các thiết bị điện, điện tử, tin học;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản; Cho thuê văn phòng, nhà xưởng, kho bãi.

## Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

### Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm /miễn nhiệm
Ông Đặng Đức Khôi	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2016
Ông Nguyễn Đình Tuấn	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2016
Ông Phan Sỹ Kiên	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2014
Ông Nguyễn Văn Minh	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2014
Ông Đặng Phan Dũng	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2014
Ông Cao Hồng Việt	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2016
Ông Vũ Thành Trung	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2016

### Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm
Bà Nguyễn Thị Thu Hiền	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2016
Bà Hoàng Thị Nghĩa Ninh	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2016
Ông Phạm Nhật Quang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2014
Bà Phan Thị Phương Dung	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2014

### Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Phan Sỹ Kiên	Tổng Giám đốc	Ngày 18 tháng 01 năm 2013
Ông Lê Anh Toàn	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 22 tháng 4 năm 2013
Ông Đặng Phan Dũng	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 13 tháng 3 năm 2013

### Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Phan Sỹ Kiên (bổ nhiệm ngày 18 tháng 01 năm 2013).

# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

## Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Tập đoàn.

## Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

## Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc, 



**Phan Sỹ Kiên**  
**Tổng Giám đốc**

Ngày 10 tháng 8 năm 2016

ABB  
CHI M  
CỔ N  
H NH  
A TOÁ  
TẠI  
Đ)



**BAKER TILLY  
A&C**

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C  
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.



Headquarters : 2 Trương Sơn St., W. 2, Tân Bình Dist., Hồ Chí Minh City  
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970  
Branch in Hà Nội : 40 Giảng Võ St., Đống Đa Dist., Hà Nội City  
Branch in Nha Trang: 18 Trần Khánh Du St., Nha Trang City  
Branch in Cần Thơ : 162C/4 Trần Ngọc Quê St., Cần Thơ City  
www.a-c.com.vn

Số: 384/2016/BCTC-KTTV

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 10 tháng 8 năm 2016, từ trang 07 đến trang 47, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Trong quá trình soát xét, chúng tôi không thể tiếp cận được với các bằng chứng kiểm toán cần thiết để khẳng định được tính trung thực và hợp lý về số liệu của chi nhánh Hồ Chí Minh (đã giải thể ngày 26 tháng 3 năm 2013) đang được sử dụng để tổng hợp vào báo cáo toàn Công ty. Cụ thể:

Khoản mục	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	1.277.165.908	1.277.165.908
Phải thu ngắn hạn khác	12.753.473.404	12.753.473.404
Hàng tồn kho	1.327.799.572	1.327.799.572
Tài sản ngắn hạn khác	177.418.736	177.418.736
<b>Cộng</b>	<b>15.535.857.620</b>	<b>15.535.857.620</b>

<b>Khoản mục</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	2.807.326.139	2.807.326.139
Chi phí phải trả ngắn hạn	6.253.418.069	6.253.418.069
Phải trả ngắn hạn khác	1.990.198.309	1.990.198.309
<b>Cộng</b>	<b>11.050.942.517</b>	<b>11.050.942.517</b>

**Kết luận ngoại trừ**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được mô tả tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C**

**Chi nhánh Hà Nội**



**Phạm Quang Hùng - Phó Giám đốc**

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1409-2013-008-1

Hà Nội, ngày 11 tháng 8 năm 2016

# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

### BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>129.283.936.725</b>	<b>147.700.910.851</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>2.860.952.499</b>	<b>4.673.457.382</b>
1. Tiền	111		2.640.952.499	4.453.457.382
2. Các khoản tương đương tiền	112		220.000.000	220.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>93.395.999.267</b>	<b>114.905.083.477</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	56.273.393.234	74.548.249.207
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	4.227.561.535	8.750.690.573
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	37.415.821.216	36.126.920.415
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(4.656.944.519)	(4.656.944.519)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.7	136.167.801	136.167.801
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>31.121.004.913</b>	<b>27.184.259.293</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.8	31.537.531.711	27.600.786.091
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.8	(416.526.798)	(416.526.798)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.905.980.046</b>	<b>938.110.699</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	94.535.972	151.434.097
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.236.788.184	150.915.712
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	574.655.890	635.760.890
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

### Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>62.937.050.766</b>	<b>61.457.327.636</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>124.077.242</b>	<b>150.807.242</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.11	124.077.242	150.807.242
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>40.534.823.528</b>	<b>39.603.740.865</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	15.896.457.454	14.895.712.865
<i>Nguyên giá</i>	222		63.079.761.904	62.159.408.631
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(47.183.304.450)	(47.263.695.766)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	24.638.366.074	24.708.028.000
<i>Nguyên giá</i>	228		25.891.037.818	25.891.037.818
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1.252.671.744)	(1.183.009.818)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>1.054.313.636</b>	<b>1.054.313.636</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	1.054.313.636	1.054.313.636
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.2</b>	<b>19.934.244.933</b>	<b>19.444.925.017</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		14.395.149.214	13.905.829.298
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		5.890.000.000	5.890.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(350.904.281)	(350.904.281)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.289.591.427</b>	<b>1.203.540.876</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	1.289.591.427	1.203.540.876
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>192.220.987.491</b>	<b>209.158.238.487</b>



# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

### Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>86.583.954.361</b>	<b>102.094.501.313</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>83.741.176.261</b>	<b>100.864.251.313</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	11.286.877.812	17.873.889.757
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	1.909.295.132	970.109.667
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	1.374.323.477	3.883.707.293
4. Phải trả người lao động	314		543.776.387	4.591.058.530
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	28.787.754.201	15.476.422.369
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17	3.022.632.475	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18a	20.152.058.703	32.468.989.275
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19a	16.567.234.632	25.502.850.980
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.20	97.223.442	97.223.442
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>2.842.778.100</b>	<b>1.230.250.000</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.18b	1.230.250.000	1.230.250.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19b	1.612.528.100	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>105.637.033.130</b>	<b>107.063.737.174</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.21</b>	<b>105.637.033.130</b>	<b>107.063.737.174</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		48.000.000.000	48.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		48.000.000.000	48.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		49.699.560.000	49.699.560.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		7.196.802.018	9.253.201.018
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		119.132.759	119.132.759
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(16.509.947.097)	(17.132.488.615)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(17.612.986.287)	(20.782.701.503)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.103.039.190	3.650.212.888
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	<b>V.22</b>	17.131.485.450	17.124.332.012
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>192.220.987.491</b>	<b>209.158.238.487</b>

Lập, ngày 10 tháng 8 năm 2016

Người lập biểu

Sơn Hồng Sơn

Kế toán trưởng

Trần Trung Hiếu

Tổng giám đốc



Phan Sỹ Kiên

# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	37.935.843.320	21.320.723.263
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		37.935.843.320	21.320.723.263
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	30.302.396.254	16.068.221.247
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		7.633.447.066	5.252.502.016
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	329.848.475	19.275.193
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	468.001.604	394.823.016
Trong đó: chi phí lãi vay	23		459.655.782	247.700.995
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		489.319.916	367.105.721
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	1.399.108.591	800.078.369
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	5.890.287.027	5.459.575.072
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		695.218.235	(1.015.593.527)
12. Thu nhập khác	31	VI.7	499.764.701	1.574.850.363
13. Chi phí khác	32	VI.8	76.989.806	5.315.662
14. Lợi nhuận khác	40		422.774.895	1.569.534.701
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.117.993.130	553.941.174
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.15	21.497.230	2.532.733
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.096.495.900	551.408.441
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		1.103.039.190	546.397.818
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(6.543.290)	5.010.623
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	230	86
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	230	86

Lập, ngày 10 tháng 8 năm 2016

Người lập biểu

Sơn Hồng Sơn

Kế toán trưởng

Trần Trung Hiếu

Tổng giám đốc



Phan Sỹ Kiên

# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	1.117.993.130	553.941.174
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	1.369.470.337	1.246.687.842
- Các khoản dự phòng	03	-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	1.829.391	(1.937.812)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(652.687.058)	(378.084.198)
- Chi phí lãi vay	06	459.655.782	247.700.995
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	2.296.261.582	1.668.308.001
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	20.782.277.347	21.300.883.613
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(3.936.745.620)	(3.963.079.264)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(16.547.121.575)	(17.709.964.912)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(29.152.426)	92.791.405
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(459.655.782)	(247.700.995)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(71.955.219)	(143.011.120)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(2.329.459.000)	(130.400.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(295.550.693)</b>	<b>867.826.729</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(2.300.553.000)	(1.908.963.636)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	474.742.727	372.450.364
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	177.944.331	5.633.834
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(1.647.865.942)</b>	<b>(1.530.879.438)</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	15.518.376.492	4.692.440.000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(15.381.464.740)	(5.776.492.200)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(6.000.000)	(10.140.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>130.911.752</i>	<i>(1.094.192.200)</i>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(1.812.504.883)</b>	<b>(1.757.244.909)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60 V.1</b>	<b>4.673.457.382</b>	<b>6.776.251.383</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	356.351
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70 V.1</b>	<b>2.860.952.499</b>	<b>5.019.362.825</b>

Lập, ngày 10 tháng 8 năm 2016

Người lập biểu

Sơn Hồng Sơn

Kế toán trưởng

Trần Trung Hiếu

Tổng giám đốc



Phan Sỹ Kiên

# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**

#### **1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

#### **2. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là xây dựng và lắp đặt.

#### **3. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp
- Cho thuê máy móc, thiết bị bưu chính viễn thông, điện, điện tử, tin học.

#### **4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### **5. Cấu trúc Tập đoàn**

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 01 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

#### **5a. Công ty con được hợp nhất**

Công ty chi đầu tư vào công ty con là Công ty Cổ phần Huawei – TST Việt Nam có trụ sở chính tại 164 Nguyễn Văn Cừ, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là sản xuất các loại sợi cáp quang, sản xuất và kinh doanh các loại phụ kiện thiết bị đồng bộ kèm theo các loại cáp quang, các thiết bị vật tư, nguyên liệu chuyên ngành viễn thông, truyền hình, công nghệ thông tin, điện tử tin học dân dụng, công nghiệp và điều khiển tự động. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại công ty con này là 51% (số đầu năm là 51%).

#### **5b. Công ty liên kết được phân ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp vốn chủ sở hữu**

Tập đoàn chi đầu tư vào công ty liên kết là Công ty Cổ phần Cáp quang Việt Nam Vina – OFC có trụ sở chính tại Dốc Vân, Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là sản xuất thiết bị điện và dịch vụ đo kiểm cáp quang. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ phần sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại công ty liên kết này là 25% (số đầu năm là 25%).

#### **6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất**

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

#### **7. Nhân viên**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Tập đoàn có 151 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 155 nhân viên).

# **CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG**

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

---

## **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### **2. Cơ sở hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

### 3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).



## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

---

#### 4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

#### 5. Các khoản đầu tư tài chính

##### *Các khoản đầu tư vào công ty liên kết*

##### *Công ty liên kết*

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

##### *Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG**

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

---

### **6. Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

### **7. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí tập hợp cho các công trình dở dang.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp giá đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

### **8. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn bao gồm các chi phí sau:

#### ***Công cụ, dụng cụ***

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

#### ***Chi phí sửa chữa tài sản cố định***

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

## ***Chi phí giải thể***

Chi phí giải thể các chi nhánh được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

## **9. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 12
Máy móc và thiết bị	3 - 5
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5

## **10. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

### ***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất tại Công ty con được khấu hao theo thời gian giao đất (42 năm).

### ***Chương trình phần mềm máy tính***

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

15-00  
HÀNH  
IG TY  
EM HỮ  
Y VÀ T  
& C  
HÀ NỘ  
- TP

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

---

### 11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

### 12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

### 13. Vốn chủ sở hữu

#### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

#### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

#### *Vốn khác của chủ sở hữu*

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

### 14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho chủ sở hữu sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.



## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

---

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

### 15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

#### *Doanh thu bán hàng hóa*

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

#### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### *Cổ tức và lợi nhuận được chia*

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.

### 16. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Tập đoàn đã tự xác định vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

---

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chi được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

## 17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

## 18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

## 19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

## 20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

## 21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

## 22. Công cụ tài chính

### Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

### Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

### Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

### Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	908.247.507	124.550.210
Tiền gửi ngân hàng	1.732.704.992	4.328.907.172
Các khoản tương đương tiền	220.000.000	220.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống	220.000.000	220.000.000
<b>Cộng</b>	<b>2.860.952.499</b>	<b>4.673.457.382</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

### 2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

#### 2a. Đầu tư vào công ty liên kết

Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Cấp quang Việt Nam Vina – OFC, là một công ty thành lập ngày 16 tháng 6 năm 2008 tại Hà Nội. Hoạt động chính của công ty này là sản xuất các loại sợi cáp quang, sản xuất và kinh doanh các loại phụ kiện thiết bị đồng bộ kèm theo các loại cáp quang, các thiết bị vật tư, nguyên liệu chuyên ngành viễn thông, truyền hình, công nghệ thông tin, điện tử tin học dân dụng, công nghiệp và điều khiển tự động. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 14.140.000.000 VND, tương đương 25% vốn điều lệ (số đầu năm là 14.140.000.000 VND, tương đương 25% vốn điều lệ).

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Giá gốc	14.140.000.000	14.140.000.000
Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	255.149.214	(234.170.702)
<b>Cộng</b>	<b><u>14.395.149.214</u></b>	<b><u>13.905.829.298</u></b>

Giá trị phần sở hữu của Công ty tại công ty liên kết như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	13.905.829.298	13.149.939.475
Góp vốn	-	-
Phân lãi hoặc lỗ	489.319.916	367.105.721
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>14.395.149.214</u></b>	<b><u>13.517.045.196</u></b>

Giao dịch với công ty liên kết

Tập đoàn không phát sinh giao dịch với công ty liên kết.

#### 2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Công ty Cổ phần Công nghệ Cấp quang và Thiết bị Bưu điện	4.930.000.000	(350.904.281)	4.930.000.000	(350.904.281)
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật và Hạ tầng mạng thông tin di động (MOBI - I)	960.000.000	-	960.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>5.890.000.000</u></b>	<b><u>(350.904.281)</u></b>	<b><u>5.890.000.000</u></b>	<b><u>(350.904.281)</u></b>

Giá trị hợp lý

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG**

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)***Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	(350.904.281)	(350.904.281)
Trích lập dự phòng bổ sung	-	-
Hoàn nhập dự phòng	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>(350.904.281)</b>	<b>(350.904.281)</b>

**3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ban quản lý Dự án các công trình Viễn Thông - VNPT	10.973.993.170	15.030.241.751
Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông - VITECO	3.874.347.972	12.914.493.240
Công ty Cổ phần COKYVINA	3.203.351.800	-
Trung tâm Hạ tầng mạng Miền Bắc - Chi nhánh Tổng Công ty Hạ tầng mạng	2.674.072.500	6.866.847.900
Trung tâm mạng lưới Mobifone Miền Bắc- Tổng Công ty Viễn thông Mobifone	103.375.741	9.538.706.565
Các khách hàng khác	35.444.252.051	30.197.959.751
<b>Cộng</b>	<b>56.273.393.234</b>	<b>74.548.249.207</b>

**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ông Phùng Tiến Sơn	574.914.850	-
Công ty TNHH SMATEC	2.384.250.000	7.691.250.000
Công ty Cổ phần Vi điện tử Thái Bình Dương	633.900.000	633.900.000
Các nhà cung cấp khác	634.496.685	425.540.573
<b>Cộng</b>	<b>4.227.561.535</b>	<b>8.750.690.573</b>

**5. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác****5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Phải thu cán bộ công nhân viên	5.663.054.775	(1.919.569.484)	5.264.243.868	(1.919.569.484)
Phải thu Smatec về tiền phạt vi phạm hợp đồng cung cấp và lắp đặt thiết bị SMU	1.124.688.840	-	1.124.688.840	-
Tạm ứng	13.179.929.397	-	13.314.075.061	-
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.420.848.771	-	451.338.387	-
Phải thu do chi quá Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi	2.541.209.969	-	2.268.149.969	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	13.486.089.464	(2.226.525.750)	13.704.424.290	(2.226.525.750)
<b>Cộng</b>	<b>37.415.821.216</b>	<b>(4.146.095.234)</b>	<b>36.126.920.415</b>	<b>(4.146.095.234)</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

### 5b. Phải thu dài hạn khác

Là các khoản ký cược, ký quỹ

### 6. Nợ xấu

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Nghiêm Xuân Bình - Phải thu tạm ứng công trình	1.145.857.811	-	1.145.857.811	-
Đình Châu Giang - Phải thu tạm ứng công trình	203.814.768	-	203.814.768	-
Phải thu do chi quá tiền lương của Xí nghiệp Tư vấn Thiết kế đã giải thể	1.499.798.702	-	1.499.798.702	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	1.807.473.238	-	1.807.473.238	-
<b>Cộng</b>	<b>4.656.944.519</b>	<b>-</b>	<b>4.656.944.519</b>	<b>-</b>

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	4.656.944.519	4.362.895.251
Trích lập dự phòng bổ sung	-	-
Hoàn nhập dự phòng	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>4.656.944.519</b>	<b>4.362.895.251</b>

### 7. Tài sản thiếu chờ xử lý

Là hàng tồn kho thiếu chờ xử lý

### 8. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	6.166.900.946	(416.526.798)	6.059.548.657	(416.526.798)
Công cụ, dụng cụ	68.067.727	-	58.068.636	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	24.152.728.861	-	20.232.771.436	-
Hàng hóa	1.149.834.177	-	1.250.397.362	-
<b>Cộng</b>	<b>31.537.531.711</b>	<b>(416.526.798)</b>	<b>27.600.786.091</b>	<b>(416.526.798)</b>

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	416.526.798	-
Trích lập dự phòng bổ sung	-	-
Hoàn nhập dự phòng	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>416.526.798</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG**

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)****9. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn****9a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí bảo hiểm	94.535.972	135.434.097
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	-	16.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>94.535.972</u></b>	<b><u>151.434.097</u></b>

**9b. Chi phí trả trước dài hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí giải thể các chi nhánh	859.233.551	859.233.551
Chi phí cải tạo trụ sở công ty	111.037.715	162.285.891
Chi phí công cụ, dụng cụ	216.618.828	173.343.101
Chi phí thẩm định	100.000.000	-
Các chi phí trả trước dài hạn khác	2.701.333	8.678.333
<b>Cộng</b>	<b><u>1.289.591.427</u></b>	<b><u>1.203.540.876</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG**

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)****10. Tài sản cố định hữu hình**

	<b>Nhà cửa, vật kiến trúc</b>	<b>Máy móc và thiết bị</b>	<b>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</b>	<b>Thiết bị, dụng cụ quản lý</b>	<b>Tài sản cố định khác</b>	<b>Cộng</b>
<b>Nguyên giá</b>						
Số đầu năm	23.147.824.820	26.301.554.654	11.222.689.948	1.331.035.409	156.303.800	62.159.408.631
Mua trong kỳ	-	40.455.000	2.129.898.000	130.200.000	-	2.300.553.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.380.199.727)	-	-	(1.380.199.727)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>23.147.824.820</b>	<b>26.342.009.654</b>	<b>11.972.388.221</b>	<b>1.461.235.409</b>	<b>156.303.800</b>	<b>63.079.761.904</b>
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	4.786.330.055	21.390.823.378	3.977.000.277	1.067.061.522	156.303.800	31.377.519.032
Chờ thanh lý						
<b>Giá trị hao mòn</b>						
Số đầu năm	13.747.444.109	24.796.747.091	7.444.093.473	1.119.107.293	156.303.800	47.263.695.766
Khấu hao trong kỳ	605.323.188	322.216.258	331.508.752	40.760.213	-	1.299.808.411
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.380.199.727)	-	-	(1.380.199.727)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>14.352.767.297</b>	<b>25.118.963.349</b>	<b>6.395.402.498</b>	<b>1.159.867.506</b>	<b>156.303.800</b>	<b>47.183.304.450</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số đầu năm	9.400.380.711	1.504.807.563	3.778.596.475	211.928.116	-	14.895.712.865
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>8.795.057.523</b>	<b>1.223.046.305</b>	<b>5.576.985.723</b>	<b>301.367.903</b>	<b>-</b>	<b>15.896.457.454</b>
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng						
Đang chờ thanh lý						

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG**

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)****11. Tài sản cố định vô hình**

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Chương trình phần mềm</u>	<u>Cộng</u>
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	25.731.037.818	160.000.000	25.891.037.818
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>25.731.037.818</b>	<b>160.000.000</b>	<b>25.891.037.818</b>
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	160.000.000	160.000.000
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	1.023.009.818	160.000.000	1.183.009.818
Khấu hao trong kỳ	69.661.926	-	69.661.926
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>1.092.671.744</b>	<b>160.000.000</b>	<b>1.252.671.744</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	24.708.028.000	-	24.708.028.000
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>24.638.366.074</b>	<b>-</b>	<b>24.638.366.074</b>
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng			
Đang chờ thanh lý			

**12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Mua sắm tài sản cố định	-	2.300.553.000	(2.300.553.000)	-
Xây dựng cơ bản dở dang				
Công trình trụ sở chi nhánh Cần Thơ	1.054.313.636	-	-	1.054.313.636
<b>Cộng</b>	<b>1.054.313.636</b>	<b>2.300.553.000</b>	<b>(2.300.553.000)</b>	<b>1.054.313.636</b>

**13. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Công nghệ RADCOM Việt Nam	-	2.038.261.000
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện Miền Trung	1.040.945.950	1.040.945.950
Công ty Huawei Tech Investment	-	1.859.129.400
Các nhà cung cấp khác	10.245.931.862	12.935.553.407
<b>Cộng</b>	<b>11.286.877.812</b>	<b>17.873.889.757</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

### 14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Viễn Thông Lạng Sơn	493.000.000	-
Trung tâm Phát triển Quỹ đất TP Buôn Ma Thuột	332.252.000	-
Nguyễn Minh Ngọc	-	120.000.000
NEC Corporation	109.973.600	109.973.600
Công ty mạng lưới Viettel – Tập đoàn Viễn thông Quân Đội	103.479.993	103.479.993
Các khách hàng khác	870.589.539	636.656.074
<b>Cộng</b>	<b><u>1.909.295.132</u></b>	<b><u>970.109.667</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

### 15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	3.657.834.035	203.143.641	1.325.779.684	(3.633.626.709)	1.288.882.010	142.038.641
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	857.739.038	(857.739.038)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	85.981.239	38.199.350	21.497.230	(71.955.219)	35.523.250	38.199.350
Thuế thu nhập cá nhân	139.892.019	497.262	91.131.838	(181.105.640)	49.918.217	497.262
Các loại thuế khác	-	393.920.637	2.481.503.586	(2.481.503.586)	-	393.920.637
<b>Cộng</b>	<b>3.883.707.293</b>	<b>635.760.890</b>	<b>4.777.651.376</b>	<b>(7.225.930.192)</b>	<b>1.374.323.477</b>	<b>574.655.890</b>

#### *Thuế giá trị gia tăng*

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

#### *Thuế nhà đất*

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

#### *Thuế thu nhập doanh nghiệp*

Công ty mẹ: phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (cùng kỳ năm trước thuế suất là 22%).

Công ty con:

- Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 21221.000071 ngày 15 tháng 10 năm 2007 do Sở Kế Hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, Công ty được hưởng thuế suất ưu đãi 15% trên thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất các thiết bị viễn thông trong 12 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động, được miễn thuế trong 03 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án và giảm 50% số thuế phải nộp trong 07 năm tiếp theo.
- Năm 2016 là năm thứ chín Công ty được hưởng ưu đãi về thuế suất và là năm thứ năm Công ty được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.
- Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Chi tiết thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.117.993.130	553.941.174
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	(248.182.511)	(350.153.289)
- Các khoản điều chỉnh tăng khác	241.137.405	28.371.699
<i>Thuế bị phạt, bị truy thu</i>	17.780.633	5.091.033
<i>Chi phí khấu hao xe trên 1,6 tỷ</i>	36.514.000	23.280.666
<i>Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của tiền và các khoản công nợ phải thu năm trước</i>	4.297.202	-
<i>Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của các khoản công nợ phải thu</i>	1.829.391	-
<i>Chi phí trên 20 triệu thanh toán bằng tiền mặt</i>	21.340.000	-
<i>Lãi vay cá nhân vượt trần</i>	4.000.000	-
<i>Chi phí lãi vay tương ứng với vốn điều lệ góp thiếu</i>	98.107.006	-
<i>Chi phí không được trừ khác</i>	57.269.173	-
- Các khoản điều chỉnh giảm khác	(489.319.916)	(378.524.988)
<i>Lãi trong công ty liên kết</i>	(489.319.916)	(367.105.721)
<i>Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của tiền</i>	-	(11.419.267)
Thu nhập chịu thuế	869.810.619	203.787.885
Trong đó:		
<i>Thu nhập chịu thuế tại công ty mẹ</i>	762.324.470	191.124.220
<i>Thu nhập chịu thuế tại công ty con</i>	107.486.150	12.663.665
Lỗi các năm trước được chuyển ở công ty mẹ	(762.324.470)	(191.124.220)
Thu nhập tính thuế	107.486.150	12.663.665
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp tại công ty con	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp</b>	<b>21.497.230</b>	<b>2.532.733</b>

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

#### **Các loại thuế khác**

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG**

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)****16. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Giá vốn trích trước	22.278.053.483	6.916.400.804
Chi phí phải trả tại Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	6.253.418.069	6.253.418.069
Chi phí thuế nhà thầu nước ngoài	-	1.879.770.228
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	256.282.649	426.833.268
<b>Cộng</b>	<b><u>28.787.754.201</u></b>	<b><u>15.476.422.369</u></b>

**17. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Doanh thu cho thuê trạm BTS nhận trước	555.600.000	-
Doanh thu cho thuê nhà xưởng nhận trước	2.467.032.475	-
<b>Cộng</b>	<b><u>3.022.632.475</u></b>	<b><u>-</u></b>

**18. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác****18a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	<b>1.400.000.000</b>
Ông Phan Sỹ Kiên - Vay không lãi suất	-	400.000.000
Ông Trần Trung Hiếu - Vay không lãi suất	-	1.000.000.000
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	<b>20.152.058.703</b>	<b>31.068.989.275</b>
Kinh phí công đoàn	554.305.068	641.655.993
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	776.330.395	619.305.928
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	8.486.994	8.486.994
Phải trả cán bộ công nhân viên về chi phí thực hiện công trình	10.089.656.097	20.379.011.318
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	5.172.191.417	5.178.191.417
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	3.551.088.732	4.242.337.625
<b>Cộng</b>	<b><u>20.152.058.703</u></b>	<b><u>32.468.989.275</u></b>

**18b. Phải trả dài hạn khác**

Là khoản nhận ký quỹ, ký cược dài hạn.



## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

### 19. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn

#### 19a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	14.320.487.032	16.542.850.980
<i>Vay Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Ba Đình</i>	<i>3.298.333.000</i>	<i>6.509.068.080</i>
<i>Vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội</i>	<i>535.300.000</i>	<i>621.309.000</i>
<i>Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam</i>	<i>10.486.854.032</i>	<i>9.412.473.900</i>
Vay ngắn hạn tổ chức khác	1.700.000.000	7.460.000.000
<i>Vay Công ty TNHH Smatec</i>	<i>1.700.000.000</i>	<i>7.460.000.000</i>
<i>Vay ngắn hạn các cá nhân</i>	<i>-</i>	<i>1.500.000.000</i>
<i>Vay Ông Lưu Hồng Quân</i>	<i>-</i>	<i>150.000.000</i>
<i>Vay Bà Nguyễn Thị Thu Hiền</i>	<i>-</i>	<i>1.000.000.000</i>
<i>Vay Ông Lê Ngọc Hóa</i>	<i>-</i>	<i>150.000.000</i>
<i>Vay Ông Lê Việt An</i>	<i>-</i>	<i>200.000.000</i>
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.19b)	546.747.600	-
<b>Cộng</b>	<b>16.567.234.632</b>	<b>25.502.850.980</b>

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Bù trừ công nợ ứng trước	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	16.542.850.980	11.628.638.492	-	(13.851.002.440)	-	14.320.487.032
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	7.460.000.000	1.700.000.000	-	-	(7.460.000.000)	1.700.000.000
Vay ngắn hạn các cá nhân	1.500.000.000	-	-	(1.500.000.000)	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	-	-	546.747.600	-	-	546.747.600
<b>Cộng</b>	<b>25.502.850.980</b>	<b>13.328.638.492</b>	<b>546.747.600</b>	<b>(15.351.002.440)</b>	<b>(7.460.000.000)</b>	<b>16.567.234.632</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG**

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)****19b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn ngân hàng		
Vay Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Ba Đình	1.612.528.100	-
<b>Cộng</b>	<b><u>1.612.528.100</u></b>	<b><u>-</u></b>

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	546.747.600	-
Trên 1 năm đến 5 năm	1.612.528.100	-
Trên 5 năm	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>2.159.275.700</u></b>	<b><u>-</u></b>

Chi tiết phát sinh của khoản vay Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Ba Đình, như sau:

Số đầu năm	-
Số tiền vay phát sinh	2.189.738.000
Số tiền vay đã trả	(30.462.300)
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(546.747.600)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>1.612.528.100</u></b>

**20. Dự phòng phải trả ngắn hạn**

Dự phòng phải trả ngắn hạn liên quan đến chi phí dự phòng bảo hành công trình. Chi tiết phát sinh như sau:

Số đầu năm	97.223.442
Tăng do trích lập	-
Số sử dụng	-
Số hoàn nhập	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>97.223.442</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG**

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)****21. Vốn chủ sở hữu****21a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	48.000.000.000	49.699.560.000	11.101.830.563	119.132.759	(20.298.271.144)	88.622.252.178
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	546.397.818	546.397.818
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	(634.430.358)	(634.430.358)
<b>Số dư cuối kỳ trước</b>	<b>48.000.000.000</b>	<b>49.699.560.000</b>	<b>11.101.830.563</b>	<b>119.132.759</b>	<b>(20.386.303.684)</b>	<b>88.534.219.638</b>
Số dư đầu năm nay	48.000.000.000	49.699.560.000	9.253.201.018	119.132.759	(17.132.488.614)	89.939.405.163
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	1.103.039.190	1.103.039.190
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2015	-	-	-	-	(466.800.945)	(466.800.945)
Chi quỹ (*)	-	-	(2.056.399.000)	-	-	(2.056.399.000)
Điều chỉnh lợi nhuận năm trước tại Công ty con theo Báo cáo kiểm toán	-	-	-	-	(13.696.728)	(13.696.728)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>48.000.000.000</b>	<b>49.699.560.000</b>	<b>7.196.802.018</b>	<b>119.132.759</b>	<b>(16.509.947.097)</b>	<b>88.505.547.680</b>

(\*)Chi quỹ Đầu tư phát triển để đào tạo, nâng cao trình độ cho cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật.

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

#### 21b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tập đoàn Bru chính Viễn thông Việt Nam	15.750.000.000	15.750.000.000
Các cổ đông khác	32.250.000.000	32.250.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>48.000.000.000</u></b>	<b><u>48.000.000.000</u></b>

#### 21c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.800.000	4.800.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành		
- Cổ phiếu phổ thông	4.800.000	4.800.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	4.800.000	4.800.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

#### 21d. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ, Công ty đã trích nguồn từ lợi nhuận sau thuế chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2015, số tiền là 466.800.945 VND theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2015 số 10/NQ - ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 5 năm 2016.

#### 22. Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần của công ty con. Tình hình biến động lợi ích của cổ đông không kiểm soát như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Vốn đầu tư của Cổ đông thiểu số	14.972.250.000	14.972.250.000
Quỹ Đầu tư phát triển	1.459.805.403	1.459.805.403
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	80.750.996	80.750.996
Lợi nhuận chưa phân phối	618.679.051	607.543.529
<b>Cộng</b>	<b><u>17.131.485.450</u></b>	<b><u>17.120.349.928</u></b>

#### 23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

##### Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm 532,73 USD (số đầu năm là 539,33 USD).

# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

#### 1a. Tổng doanh thu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	10.980.951.651	992.888.150
Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.702.628.416	12.561.665.079
Doanh thu hợp đồng xây lắp	21.252.263.253	7.766.170.034
<b>Cộng</b>	<b>37.935.843.320</b>	<b>21.320.723.263</b>

#### 1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

### 2. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	10.069.854.812	825.710.321
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	3.214.500.465	8.480.954.238
Giá vốn của hoạt động xây lắp	17.018.040.978	6.761.556.688
<b>Cộng</b>	<b>30.302.396.254</b>	<b>16.068.221.247</b>

### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	5.144.331	5.633.834
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	7.523.733	11.528.162
Cổ tức, lợi nhuận được chia	172.800.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	144.380.411	175.385
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	1.937.812
<b>Cộng</b>	<b>329.848.475</b>	<b>19.275.193</b>

### 4. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	459.655.782	247.700.995
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	125.358.400
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	1.829.391	-
Chi phí tài chính khác	6.516.431	21.763.621
<b>Cộng</b>	<b>468.001.604</b>	<b>394.823.016</b>

5-00  
IẢN  
TY  
HỮ  
VÀ T  
C  
À N  
TP

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

### 5. Chi phí bán hàng

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	96.074.000	218.906.660
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	22.766.929	-
Chi phí bảo hành	1.530.000	234.174.930
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.239.692.853	305.045.110
Các chi phí khác	39.044.809	41.951.669
<b>Cộng</b>	<b>1.399.108.591</b>	<b>800.078.369</b>

### 6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	2.281.374.685	2.108.673.401
Chi phí đồ dùng văn phòng	157.475.664	132.435.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	647.764.134	294.274.021
Thuế, phí và lệ phí	42.315.445	15.393.388
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.176.433.094	2.494.856.186
Các chi phí khác	584.924.005	413.943.076
<b>Cộng</b>	<b>5.890.287.027</b>	<b>5.459.575.072</b>

### 7. Thu nhập khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	474.742.727	372.450.364
Thu nhập từ bán vật tư	5.454.545	-
Thu nhập do Công ty Huawei - Technologies giảm giá bán sản phẩm	-	1.197.900.000
Thu nhập khác	19.567.429	4.499.999
<b>Cộng</b>	<b>499.764.701</b>	<b>1.574.850.363</b>

### 8. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Phạt do vi phạm hợp đồng	-	89.942
Thuế bị phạt, bị truy thu	17.780.633	5.091.033
Thuế GTGT không được khấu trừ	1.940.000	-
Xử lý công nợ	57.269.173	-
Chi phí khác	-	134.687
<b>Cộng</b>	<b>76.989.806</b>	<b>5.315.662</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

## 9. Lãi trên cổ phiếu

### *Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu*

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.103.039.190	546.397.818
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(134.031.825)
Trích thưởng Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ban kiểm soát	-	-
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	1.103.039.190	412.365.993
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	4.800.000	4.800.000
<b>Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>230</b>	<b>86</b>

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

#### 1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

#### *Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

#### *Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.18.

#### *Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương và tiền thưởng	494.205.455	342.500.000





# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

## 1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Bên liên quan khác với Tập đoàn chỉ có Cổ phần Cấp quang Việt Nam Vina – OFC là công ty liên kết.

*Giao dịch với các bên liên quan khác*

Tập đoàn không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

*Công nợ với các bên liên quan khác*

Tập đoàn không có công nợ với các bên liên quan khác.

## 2. Thông tin về bộ phận

### 2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực kinh doanh thương mại: Bán vật tư.
- Lĩnh vực dịch vụ: Tối ưu hóa, sửa chữa ứng cứu, bảo dưỡng, tư vấn thiết kế, cho thuê nhà trạm.
- Lĩnh vực xây lắp: lắp đặt các dịch vụ hạ tầng viễn thông

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	<b>Lĩnh vực thương mại</b>	<b>Lĩnh vực dịch vụ</b>	<b>Lĩnh vực xây lắp</b>	<b>Cộng</b>
<b>Kỳ này</b>				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	10.980.951.651	5.702.628.416	21.252.263.253	37.935.843.320
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10.980.951.651</b>	<b>5.702.628.416</b>	<b>21.252.263.253</b>	<b>37.935.843.320</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	911.096.839	2.488.127.951	4.234.222.275	7.633.447.066
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(7.289.395.618)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				344.051.448
Doanh thu hoạt động tài chính				329.848.475
Chi phí tài chính				(468.001.604)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết				489.319.916
Thu nhập khác				499.764.701
Chi phí khác				(76.989.806)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(21.497.230)
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>				<b>1.096.495.900</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>	<b>665.920.645</b>	<b>345.825.946</b>	<b>1.288.806.409</b>	<b>2.300.553.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG**

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

	<u>Lĩnh vực thương mại</u>	<u>Lĩnh vực dịch vụ</u>	<u>Lĩnh vực xây lắp</u>	<u>Cộng</u>
<i>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</i>	<u>418.783.541</u>	<u>217.482.691</u>	<u>810.503.346</u>	<u>1.446.769.578</u>
<i>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</i>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>
<b>Kỳ trước</b>				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	<u>992.888.150</u>	<u>12.561.665.079</u>	<u>7.766.170.034</u>	<u>21.320.723.263</u>
<i>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	<u>992.888.150</u>	<u>12.561.665.079</u>	<u>7.766.170.034</u>	<u>21.320.723.263</u>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	<u>167.177.829</u>	<u>4.080.710.841</u>	<u>1.004.613.346</u>	5.252.502.016
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				<u>(6.259.653.441)</u>
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				(1.007.151.425)
Doanh thu hoạt động tài chính				19.275.193
Chi phí tài chính				(394.823.016)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết				367.105.721
Thu nhập khác				1.574.850.363
Chi phí khác				(5.315.662)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				<u>(2.532.733)</u>
<i>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</i>				<u>551.408.441</u>
<i>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</i>	<u>93.235.878</u>	<u>1.179.586.917</u>	<u>729.272.156</u>	<u>2.002.094.951</u>
<i>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</i>	<u>63.737.868</u>	<u>806.388.668</u>	<u>498.544.697</u>	<u>1.368.671.233</u>
<i>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</i>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>

# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	<u>Lĩnh vực thương mại</u>	<u>Lĩnh vực dịch vụ</u>	<u>Lĩnh vực xây lắp</u>	<u>Cộng</u>
<b>Số cuối kỳ</b>				
Tài sản trực tiếp của bộ phận				
Tài sản phân bổ cho bộ phận				
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				<u>192.220.987.491</u>
<b>Tổng tài sản</b>				<u><b>192.220.987.491</b></u>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận				
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận				
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				<u>86.583.954.361</u>
<b>Tổng nợ phải trả</b>				<u><b>86.583.954.361</b></u>
<b>Số đầu năm</b>				
Tài sản trực tiếp của bộ phận				
Tài sản phân bổ cho bộ phận				
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				<u>209.158.238.487</u>
<b>Tổng tài sản</b>				<u><b>209.158.238.487</b></u>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận				
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận				
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				<u>102.094.501.313</u>
<b>Tổng nợ phải trả</b>				<u><b>102.094.501.313</b></u>

## 2b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Tập đoàn chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

## 3. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Tập đoàn phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

### 3a. *Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn.

Tập đoàn có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng

#### *Phải thu khách hàng*

Tập đoàn giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

#### *Tiền gửi ngân hàng*

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	<b>Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá</b>	<b>Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá</b>	<b>Cộng</b>
<b>Số cuối kỳ</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.860.952.499	-	2.860.952.499
Phải thu khách hàng	55.762.543.949	510.849.285	56.273.393.234
Các khoản phải thu khác	11.885.531.841	4.146.095.234	16.031.627.075
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	960.000.000	4.930.000.000	5.890.000.000
<b>Cộng</b>	<b>71.469.028.289</b>	<b>9.586.944.519</b>	<b>81.055.972.808</b>
<b>Số đầu năm</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.673.457.382	-	4.673.457.382
Phải thu khách hàng	74.037.399.922	510.849.285	74.548.249.207
Các khoản phải thu khác	31.980.825.181	4.146.095.234	36.126.920.415
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	960.000.000	4.930.000.000	5.890.000.000
<b>Cộng</b>	<b>111.651.682.485</b>	<b>9.586.944.519</b>	<b>121.238.627.004</b>

### 3b. *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phải sinh dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
<b>Số cuối kỳ</b>				
Phải trả người bán	11.286.877.812	-	-	11.286.877.812
Vay và nợ	16.567.234.632	1.612.528.100	-	18.179.762.732
Các khoản phải trả khác	32.347.329.927	1.030.250.000	200.000.000	33.577.579.927
<b>Cộng</b>	<b>60.201.442.371</b>	<b>2.642.778.100</b>	<b>200.000.000</b>	<b>63.044.220.471</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Phải trả người bán	17.873.889.757	-	-	17.873.889.757
Vay và nợ	25.502.850.980	-	-	25.502.850.980
Các khoản phải trả khác	19.727.246.988	1.030.250.000	200.000.000	20.957.496.988
<b>Cộng</b>	<b>63.103.987.725</b>	<b>1.030.250.000</b>	<b>200.000.000</b>	<b>64.334.237.725</b>

Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tập đoàn có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

### 3c. *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Tập đoàn gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá hàng hóa/nguyên vật liệu

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán, giá hàng hóa/nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

#### *Rủi ro ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể.

#### *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Tập đoàn như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	220.000.000	220.000.000
Vay và nợ	(18.179.762.732)	(6.507.063.850)
<b>(Nợ phải trả) thuần</b>	<b>(17.959.762.732)</b>	<b>(6.287.063.850)</b>

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu kỳ này của Tập đoàn sẽ giảm/tăng 71.839.051 VND (cùng kỳ năm trước giảm/tăng 50.296.511 VND).

### *Rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu*

Tập đoàn có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa/nguyên vật liệu. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

### **3d. Tài sản đảm bảo**

Tập đoàn không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

### **4. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính**

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.860.952.499	-	4.673.457.382	-
Phải thu khách hàng	56.273.393.234	(510.849.285)	74.548.249.207	(510.849.285)
Các khoản phải thu khác	16.031.627.075	(4.146.095.234)	36.126.920.415	(4.146.095.234)
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	5.890.000.000	(350.904.281)	5.890.000.000	(350.904.281)
<b>Cộng</b>	<b>81.055.972.808</b>	<b>(5.007.848.800)</b>	<b>121.238.627.004</b>	<b>(5.007.848.800)</b>

### *Nợ phải trả tài chính*

Giá trị ghi sổ của nợ phải trả tài chính như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả người bán	11.286.877.812	17.873.889.757
Vay và nợ	18.179.762.732	25.502.850.980
Các khoản phải trả khác	33.577.579.927	20.957.496.988
<b>Cộng</b>	<b>63.044.220.471</b>	<b>64.334.237.725</b>

### *Giá trị hợp lý*

Tập đoàn chưa xác định được giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể.

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

### 5. Các Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Lập, ngày 10 tháng 8 năm 2016

Người lập biểu



Sơn Hồng Sơn

Kế toán trưởng



Trần Trung Hiếu

Tổng Giám đốc



Phan Sỹ Kiên

